Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 29.01.2021 09:06:59 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 242 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 28 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý hội và quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 906/TTr-SNV ngày 25 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh đã được Đại hội đại biểu Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua ngày 28/10/2020 *(kèm theo Điều lệ)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh; Thủ trưởng các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, VP.

.&..b

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG TỈNH
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 242 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

Tên gọi: Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội). Ngày thành lập Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh: 21 tháng 11 năm 2005.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù theo quy định của Pháp luật, tập hợp lực lượng cựu thanh niên xung phong trong tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục phát huy truyền thống của lực lượng thanh niên xung phong Việt Nam do Bác Hồ sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh đại diện ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của cựu thanh niên xung phong trong tỉnh. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, gắn bó mật thiết với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Hội hoạt động theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết cựu thanh niên xung phong trong tỉnh qua các thời kỳ cách mạng nhằm khơi dậy, phát huy truyền thống tốt đẹp của lực lượng thanh niên xung phong trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, động viên hội viên giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống, tiến hành các hoạt động nghĩa tình đồng đội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; tham gia giải quyết chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo quy định của pháp luật; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống thanh niên xung phong cho thế hệ trẻ.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu (bao gồm cả con dấu thu nhỏ, dấu nổi), có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Tây Ninh đặt tại số 207 đường 30/4, khu phố 2, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Tây Ninh, trong lĩnh vực xã hội về cựu thanh niên xung phong, theo nhiệm vụ được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản, dân chủ hiệp thương, đồng thuận, công khai, minh bạch .

2. Không vì mục đích lợi nhuận.

3. Tuân thủ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động và Điều lệ của Hội.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tổ chức Hội, hội viên, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

3. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cựu thanh niên xung phong; đề đạt tâm tư nguyện vọng chính đáng của cựu thanh niên xung phong đến cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật về Điều lệ Hội.

4. Hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

5. Hội được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

7. Được thành lập các tổ chức theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Động viên, giúp đỡ hội viên phấn đấu vượt lên mọi hoàn cảnh khó khăn để có cuộc sống khỏe, sống vui, sống có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội; giúp nhau xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng; đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Vận động cựu thanh niên xung phong tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp sức lực, trí tuệ, kinh nghiệm, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện hội viên đề xuất, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tiến hành các hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống của lực lượng thanh niên xung phong đối với thế hệ trẻ.

5. Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cựu thanh niên xung phong; hướng dẫn hội viên thực hiện tốt pháp luật, các chế độ, chính sách có liên quan đến cựu thanh niên xung phong và tổ chức hội. Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Hội đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

7. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí, tài sản của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Tiêu chuẩn: Công dân là cựu thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong các thời kỳ kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cựu cán bộ Đoàn trực tiếp làm công tác thanh niên xung phong các thời kỳ tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Hội xem xét kết nạp làm Hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên cá nhân: Cựu thanh niên xung phong và cựu cán bộ Đoàn trực tiếp làm công tác thanh niên xung phong các thời kỳ tán thành Điều lệ Hội, tự

nguyện xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội công nhận xem xét kết nạp làm Hội viên chính thức của Hội.

3. Hội viên tổ chức: Hội Cựu thanh niên xung phong ở các huyện, thị xã, thành phố được thành lập theo quy định của pháp luật, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Hội xem xét kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; được Hội giúp đỡ về tinh thần và vật chất khi gặp khó khăn theo quy định của pháp luật và quy định của Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến phản ánh tâm tư nguyện vọng với Hội, với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến cựu thanh niên xung phong, đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

7. Hội viên (cá nhân) được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ Hội và các nghị quyết, chương trình hoạt động của Hội; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh. Đóng hội phí đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Hội; tuyên truyền nâng cao uy tín và mở rộng ảnh hưởng của Hội trong xã hội. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

3. Tích cực tham gia các hoạt động nghĩa tình đồng đội, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động vì lợi ích của cộng đồng.

4. Giữ vững tư cách, phẩm chất đạo đức cách mạng của thanh niên xung phong, gương mẫu trong cuộc sống, giáo dục con cháu trong gia đình, góp phần giáo dục thế hệ trẻ.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp Hội viên, thủ tục ra Hội

1. Tổ chức, cá nhân muốn vào Hội phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn xin vào Hội theo mẫu.

2. Ban Chấp hành Hội là cơ quan xem xét, quyết định kết nạp hội viên.

3. Căn cứ kết quả xem xét kết nạp của Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội là người ký Quyết định kết nạp. Thời gian tham gia Hội của hội viên được tính từ ngày ra quyết định.

4. Hội viên muốn xin ra khỏi Hội, phải báo cáo rõ lý do để Hội xem xét và báo cáo lên Ban Chấp hành Hội quyết định.

5. Thủ tục ra khỏi Hội: Hội viên có đơn xin ra khỏi Hội hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, quy định, quy chế hoạt động của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Tổ chức Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh, gồm:

a) Đại hội đại biểu;

b) Ban Chấp hành;

c) Ban Kiểm tra;

d) Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;

e) Văn phòng, các Ban chuyên môn;

g) Các đơn vị trực thuộc.

2. Hội Cựu thanh niên xung phong các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là Hội cấp huyện, thị xã, thành phố) nếu tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện là Hội thành viên Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh được Ban Thường Vụ xem xét, công nhận là Hội thành viên.

3. Hội thành viên chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Hội về thực hiện Điều lệ Hội và các hoạt động của Hội thành viên.

4. Quyền của Hội thành viên:

a) Đề cử, giới thiệu đại diện vào cơ quan lãnh đạo của Hội;

b) Tham gia xây dựng và thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội;

c) Được quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện trong hoạt động và bảo vệ quyền lợi chính đáng của tổ chức hội và hội viên.

5. Nghĩa vụ của Hội thành viên:

a) Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội;

b) Thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội; phối hợp giúp đỡ các hội viên khác trong hoạt động;

c) Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

6. Thủ tục, thẩm quyền công nhận Hội thành viên, thủ tục thôi Hội thành viên.

Các Hội thành viên tự nguyện làm đơn tham gia Hội theo mẫu do Ban Chấp hành quy định và được Ban Thường vụ Tỉnh Hội xem xét công nhận bằng văn bản. Nếu tự nguyện ra khỏi Hội nộp đơn, Ban Thường vụ xem xét quyết định thôi tham gia hội thành viên.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo hội cao nhất là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị hoặc ít nhất ½ tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu và hợp lệ khi có trên ½ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Thành phần số lượng dự đại hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

c) Thảo luận và thông qua báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội.

d) Quyết định số lượng ủy viên, bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

e) Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá ½ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

a) Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Số lượng, danh sách đề cử, ứng cử, hình thức bầu ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định; Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm ít nhất hai lần.

b) Trong cơ cấu Ban Chấp hành Hội có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu thanh niên xung phong các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, mời đại diện lãnh đạo Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; khi không còn làm nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ban chuyên môn của Tỉnh hội thì đương nhiên thôi không tham gia Ban Chấp hành. Trường hợp khuyết ủy viên Ban Chấp hành thì Ban Chấp hành bầu bổ sung ủy viên mới do Ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành Hội giới thiệu.

c) Ban Chấp hành có quy chế hoạt động riêng, các quyết định và nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và có hiệu lực khi có trên ½ (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội, Điều lệ Hội và mọi hoạt động của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh hội; Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Bầu, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo Hội: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung Ban Chấp hành, bầu bổ sung không được quá số lượng Ban Chấp hành đã được đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm ít nhất hai lần, có thể họp bất thường khi có đề nghị của Ban Thường vụ hoặc trên ½ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên ½ ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quy định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên ½ tổng cố ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội; khi khuyết ủy viên Ban Thường vụ thì Ban Chấp hành bầu bổ sung trong số ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ là cơ quan thay mặt Ban Chấp hành giữa hai kỳ họp.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và các hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập các kỳ họp của Ban Chấp hành và các chương trình, hoạt động theo đề xuất của Thường trực Tỉnh hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ họp ít nhất 03 tháng một lần, có thể họp bất thường khi có đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có 2/3 số ủy viên Ban Thường vụ tham dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên ½ tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Thường trực Tỉnh hội do Ban Thường vụ phân công để tổ chức thực hiện các hoạt động theo chủ trương, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Thường trực Tỉnh hội gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thường trực Tỉnh hội có nhiệm vụ sau:

a) Thay mặt Ban Thường vụ quản lý, điều hành các hoạt động thường xuyên của Hội;

b) Xây dựng các báo cáo, quy chế, quy định của Hội thông qua Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Báo cáo kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội;

c) Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan Hội, các đơn vị trực thuộc;

d) Phê duyệt, tuyển chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự cơ quan Hội. Quyết định bổ nhiệm, bãi miễn các chức danh lãnh đạo thuộc các tổ chức do Hội thành lập, sau khi có sự đồng ý của Ban Thường vụ;

e) Hướng dẫn, phối hợp công tác với các Hội Cựu TNXP ở địa phương hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật;

g) Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật, sau khi có sự đồng ý của Ban Thường vụ.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trường hợp khuyết ủy viên Ban Kiểm tra, Ban Chấp hành bầu bổ sung.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Kiểm tra các hoạt động tài chính của Hội theo quy định của pháp luật;

c) Xem xét giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên, công dân gửi đến Hội theo quy định của Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật;

d) Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Hội, quy chế hoạt động do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội quy định;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch vắng mặt ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực, hoặc 01 Phó Chủ tịch điều hành công việc của Tỉnh hội bằng văn bản.

3. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật (trừ Phó Chủ tịch thường trực Hội được quy định tại khoản 4 Điều này).

4. Phó Chủ tịch thường trực Hội do Ban Thường vụ phân công có nhiệm vụ và quyền hạn giúp Chủ tịch Hội điều hành công việc thường xuyên của Hội theo yêu cầu của Chủ tịch Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Thường trực, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành hoạt động thường xuyên của Hội được Chủ tịch Hội ủy quyền một số công việc của chủ tài khoản.

Điều 18. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Tổ chức và hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn, theo quy chế do Thường trực Tỉnh Hội quy định.

2. Tổ chức bộ máy, nhân sự của văn phòng, các ban chuyên môn, do Thường trực Tỉnh Hội phê duyệt.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng, các ban chuyên môn, do Phó Chủ tịch thường trực dự trù trình Ban Thường vụ phê duyệt.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Giải thể Hội

1. Hội tự giải thể theo đề nghị của trên ½ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội.

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 tháng.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể Hội, việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết đại hội, điều lệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, Tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Hội phí hàng năm của Hội viên;

- Thu từ các khoản hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và các nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước được pháp luật cho phép;

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ, hành chính của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội, quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành;

- Các khoản chi hợp pháp khác.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được nhà nước cấp, hỗ trợ.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và tôn chỉ mục đích của hoạt động Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, Hội thành viên, hội viên có thành tích xuất sắc được hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, Hội thành viên, hội viên của Hội vi phạm, pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

a) Với tập thể: Khiển trách, cảnh cáo.

b) Với cá nhân: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ; xóa tên khỏi danh sách hội viên; buộc bồi thường thiệt hại. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều tra và xử lý theo pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có 08 chương, 26 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh lần thứ IV thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này ./.